

Bài 73 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Ôn tập, củng cố về khối lượng, đơn vị đo khối lượng (kg); dung tích, đơn vị đo dung tích (l); độ dài, đơn vị đo độ dài (cm, dm, m, km); thời gian (ngày - giờ, ngày - tháng).
- Thực hiện được các phép tính với số đo đại lượng đã học.

Phát triển năng lực

Thông qua các bài toán vui, liên quan đến đo lường (được ước lượng, tính toán, trả lời câu hỏi, giải quyết vấn đề,...), HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, năng lực lập luận toán học (bài toán cân voi).

II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố kiến thức, kĩ năng cân, đo, tính toán về độ dài, khối lượng và dung tích với đơn vị đo độ dài đã học, kg và l ; vận dụng vào bài toán thực tế.

Bài 1: Yêu cầu HS tính được các phép tính với số đo độ dài đã học, kg và l .

- Kết quả:

a) $35 \text{ kg} + 28 \text{ kg} = 63 \text{ kg}$,	$72 \text{ kg} - 15 \text{ kg} = 57 \text{ kg}$,
$2 \text{ kg} \times 10 = 20 \text{ kg}$,	$15 \text{ kg} : 5 = 3 \text{ kg}$;
b) $76 \text{ l} + 15 \text{ l} = 91 \text{ l}$,	$85 \text{ l} - 27 \text{ l} = 58 \text{ l}$,
$2 \text{ l} \times 8 = 16 \text{ l}$,	$30 \text{ l} : 5 = 6 \text{ l}$;
c) $7 \text{ km} + 3 \text{ km} = 10 \text{ km}$,	$35 \text{ m} - 8 \text{ m} = 27 \text{ m}$,
$5 \text{ cm} \times 4 = 20 \text{ cm}$,	$20 \text{ dm} : 5 = 4 \text{ dm}$.

Bài 2: Yêu cầu HS quan sát tranh (cân đĩa thăng bằng). Từ đó tính nhẩm, rồi trả lời các câu hỏi của các câu a, b (như SGK), chẳng hạn:

- a) Con mèo cân nặng 4 kg;
 - b) Quả dưa cân nặng 2 kg.
- GV có thể cho HS nêu (nói) luôn kết quả (theo cách nhẩm). GV có thể hỏi: “Vì sao em làm được kết quả đó?” (yêu cầu HS giải thích).
 - GV có thể nêu thêm câu hỏi, chẳng hạn: Cả mèo và quả dưa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 3: Yêu cầu HS quan sát các can nước với số đo (lít) của mỗi can đó, nhẩm tính tổng số lít nước ở 2 hoặc 3 can rồi trả lời các câu hỏi a, b. Chẳng hạn:

- a) Bạn Mai lấy can 10 l và can 2 l được 12 l nước;
 - b) Bạn Việt lấy 3 can: 2 l, 3 l và 5 l được 10 l nước.
- GV có thể hướng dẫn HS làm (nếu cần). Chẳng hạn:
 - + Ở câu a, làm theo cách thử chọn, trong các cặp (10 l và 2 l), (10 l và 3 l), (10 l và 5 l) là các cặp 2 can có số lít nước nhiều hơn 10. Trong các cặp đó, ta chọn cặp (10 l và 2 l) có 12 l ($10 + 2 = 12$) đúng với yêu cầu đề bài.
 - + Ở câu b, HS quan sát thấy riêng can 10 l bị loại (vì cộng với can nào khác thì số lít cũng lớn hơn 10 l), ta thử chọn ba can còn lại có thỏa mãn điều kiện đề bài hay không (được vì $2 + 3 + 5 = 10$).
 - GV có thể hỏi thêm, chẳng hạn:
 - + Can nào đựng nhiều nước nhất?
 - + Can nào đựng ít nước nhất?

Bài 4: Phần đầu là bài toán “cân voi” phỏng theo câu chuyện về “Lương Thế Vinh cân voi”.

- Yêu cầu HS đọc và hiểu cách cân voi trong câu chuyện đó, sau đó áp dụng vào tình huống “Một chú voi con được cân theo cách trên”.
- HS chỉ cần nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” trong phép tính và câu trả lời (theo mẫu trong SGK). Chẳng hạn:
 - a) $800 \text{ kg} + 200 \text{ kg} = 1000 \text{ kg}$;
 - b) Chú voi con cân nặng 1000 kg.
- Tuỳ điều kiện, GV nên lồng thành câu chuyện vui, hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho HS.

- GV cho HS biết thực chất cách cân này tương tự cân đĩa đã học, một bên “đĩa cân” là chú voi con, một bên “đĩa cân” là số viên đá xếp trên thuyền. Khi “cân thăng bằng”, tức là lúc thuyền cân đá có cùng vạch nước đã đánh dấu với thuyền lúc cân voi, hay chú voi con cân nặng bằng cân nặng của các viên đá trên thuyền.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố kiến thức về độ dài (dm, m, km); về thời gian (giờ, phút, ngày, tháng); vận dụng vào bài toán thực tế.

Bài 1: Yêu cầu HS quan sát tranh (mô tả những vật thật có trong thực tế), HS liên hệ, ước lượng số đo (theo cảm nhận), rồi lựa chọn số đo thích hợp với sự “ước lượng” đó.

HS tìm (nối) mỗi tranh với số đo thích hợp. Chẳng hạn: Cột cờ cao khoảng 5 m, gọt bút chì dài khoảng 5 cm, đường đi về quê dài khoảng 5 km, cạnh bàn học dài khoảng 5 dm.

Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện tính các phép tính với số đo đại lượng (kg, l, m) như đã học.

GV cho HS biết thêm “mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, giữa phép nhân và phép chia” thể hiện ở mỗi câu a, b, c.

Bài 3:

- Câu a: Yêu cầu HS quan sát các kim giờ, kim phút khi kim phút chỉ số 3, số 6, số 12 để đọc đúng được giờ ở mỗi đồng hồ A, B, C, D là 1 giờ 30 phút, 8 giờ, 4 giờ 15 phút, 9 giờ. Từ đó so với giờ ở đồng hồ E, G, H, K để xem vào cùng buổi chiều hoặc buổi tối, hai đồng hồ nào chỉ cùng giờ. Chẳng hạn: Hai đồng hồ (A, G), (B, K), (C, E), (D, H).
- Câu b: Từ thứ Tư tuần này đến thứ Tư tuần sau là đúng 7 ngày. HS trả lời được sinh nhật của bạn Núi là vào ngày 22 tháng 3. ($15 + 7 = 22$)

Bài 4: Yêu cầu HS tìm hiểu, phân tích đề bài, xác định giờ đến lớp của thỏ, rùa, sóc rồi so sánh với giờ vào học. Từ đó trả lời các câu hỏi của bài toán. Chẳng hạn: HS lựa chọn câu trả lời đúng ở mỗi câu như sau: a) A. Thỏ (thỏ đến muộn sau giờ vào học); b) C. Sóc (sóc đến sớm trước giờ vào học); c) B. Rùa (rùa đến đúng giờ vào học).

GV có thể lồng câu chuyện vui vào bài toán để gây hứng thú học tập cho HS.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).